

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP VŨ LỘC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP VŨ LỘC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400825520

3. Ngày thành lập: 16/11/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Đồng Vùng, Xã Yên Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0971291888

Fax:

Email: vulamloc03032013@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn gạo	4631
2.	Bán buôn thực phẩm	4632
3.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
4.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
5.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
6.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
7.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
8.	Bán buôn tổng hợp	4690(Chính)
9.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
10.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
11.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
12.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
13.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
14.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
15.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
16.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
17.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
18.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
19.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

20.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
21.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
22.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
23.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
24.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
25.	Khai thác gỗ	0221
26.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
27.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
28.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
29.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
30.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
31.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
32.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
33.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
34.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
35.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
36.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
37.	Sản xuất linh kiện điện tử Chi tiết: Gia công, lắp ráp, xuất nhập khẩu linh kiện điện tử	2610
38.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
39.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
40.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
41.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
42.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
43.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
44.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
45.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
46.	Bán buôn đồ uống	4633
47.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
48.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
49.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
50.	Bán mô tô, xe máy	4541
51.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543

52.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
53.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
54.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
55.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
56.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
57.	Bốc xếp hàng hóa	5224
58.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
59.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
60.	Cơ sở lưu trú khác	5590
61.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
62.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
63.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
64.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
65.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
66.	Cho thuê xe có động cơ	7710
67.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
68.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
69.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
70.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
72.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
73.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
74.	Hoạt động thể thao khác	9319
75.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Ca nhạc; dịch vụ vui chơi trẻ em gồm: Khu vui chơi liên hoàn, tô tượng, chơi cát, thú nhún, nhà bóng, cầu trượt, lầu đài cổ tích, câu cá, trò chơi gia đình, bé tập lái ô tô, đu quay, gắp gấu, bé tập vẽ tranh, xếp hình, bắn bóng...; trò chơi điện tử, trò chơi dưới nước, bơi lội...; karaoke, vũ trường.	9329
76.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
77.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ làm đẹp thẩm mỹ (không bao gồm xăm mắt, các dịch vụ gây chảy máu).	9639

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ CỜ HÀN	Thôn Đồng Vũng, Xã Yên Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	15,000	121893266	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	15,000		
2	HOÀNG VĂN THAO	Thôn Yên Thịnh, Xã Yên Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	40,000	121458952	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	40,000		
3	VŨ VĂN LẮM	Thôn Đồng Vũng, Xã Yên Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	25,000	121921713	
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	25,000		
4	HÀ VĂN KIÊN	Thôn Muối, Xã Lan Mầu, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	121630908	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000		
5	DƯƠNG VĂN ĐẠT	Thôn Đồng Vũng, Xã Yên Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	121522281	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ VĂN LÂM**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *17/07/1991*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *121921713*

Ngày cấp: *07/11/2006* Nơi cấp: *Công an tỉnh Bắc Giang*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Đống Vàng, Xã Yên Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Đống Vàng, Xã Yên Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang